

Bản án số: 06/2021/HSST

Ngày: 05/3/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Đạt; Bà Trần Thị Luận.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thư ký TAND huyện Nam Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên VKSND huyện Nam Sách.

Ngày 05/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/HSST ngày 19/01/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS ngày 22/01/2021; Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa số: 02/2021/TB-TA ngày 27/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/HSST-QĐ ngày 02/02/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 03/2021/TB-TA ngày 19/02/2021 đối với bị cáo:

Lê Quang T, Sinh ngày 28/5/2002;

ĐKHKT và chỗ ở: Thôn G, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lê Quang T1 và bà Nguyễn Thị H;

Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ 3;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/12/2020, đến ngày 15/12/2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên toà.

Bị hại:

1, Anh Tống Thế D, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện N, Hải Dương.

2, Chị Phan Thị Diệu, sinh năm 1999; ĐKKHKT: Thôn P, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; Chỗ ở hiện nay: T, H, N, Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên toà

Người làm chứng: Anh Lê Quang V, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 21/11/2020, Lê Quang T đến xăm hình tại quán “xăm hình nghệ thuật”, địa chỉ thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương của anh Tống Thế D. Quá trình ngồi chờ xăm, T hỏi mượn anh D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 34B3 - 787.56 để đi mua bao thuốc lá, anh D đồng ý. Một lúc sau, T quay lại trả anh D chiếc xe và rút chìa khóa xe để trên bàn máy tính trong phòng. Khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi xăm xong, T nói với anh D cho T ngồi đợi bạn đem tiền đến trả. Lợi dụng khi anh D đang dọn đồ và đi vệ sinh không để ý, T lấy chùm chìa khóa xe trên bàn rồi lấy xe của anh D đi theo hướng đường xã H về xã A. Khi về đến cổng làng chào thôn G, xã A thì gặp 02 người bạn quen biết trước đó tên S và T1 (không biết nhân thân, lai lịch cụ thể). T bảo T1, S đem chiếc xe mô tô vừa trộm cắp của anh D đi Hà Nội cầm để lấy tiền chi tiêu sau đó giao xe cho T1, S. Trưa ngày hôm sau, T bắt taxi đi tìm những người này nhưng không gặp. Ngày 02/12/2020, Công an xã V, huyện H, thành phố Hà Nội trong quá trình làm nhiệm vụ tuần tra phát hiện chiếc xe trên bỏ trên đường thôn P, xã V không có chủ quản lý nên tiến hành quản lý theo quy định. Ngày 09/12/2020, Lê Quang T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Sách đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 28 ngày 14/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda, màu nâu, biển số 34B3 - 787.56 trị giá 9.667.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Sách còn làm rõ Lê Quang T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Phan Thị D số tiền 3.600.000 đồng, cụ thể như sau: T và anh Trần Đình T2 ở thôn Đ, xã H, huyện N và chị Phan Thị D có mối quan hệ quen biết trước đó. Tối ngày 08/10/2020 T đến ngủ tại tầng 2 nhà anh T2. Khoảng 6 giờ ngày 09/10/2020, T dậy thấy chị D đang ngủ trên giường. T phát hiện thấy chiếc ví của chị D, loại ví da cầm tay, màu đen có khóa để ở đầu giường ngay chỗ chị D nằm. T nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong ví của chị D nên lấy chiếc ví, mở khóa lấy số tiền 3.600.000 đồng trong ví rồi để lại chiếc ví ở cuối giường. Sau khi lấy được số tiền trên, T mua 01 chiếc xe mô tô của người đàn ông không quen biết tại thành phố C, tỉnh Hải Dương với giá 3.500.000 đồng để sử dụng nhưng sau đó chiếc xe bị mất trộm; còn số tiền 100.000đồng T tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 18/01/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương truy tố Lê Quang T về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 48 BLHS. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Tuyên bố: Lê Quang T phạm tội Trộm cắp tài sản; Xử phạt: T từ 11 - 13 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho chị Phan Thị D số tiền 3.600.000đ; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Lê Quang T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố bị cáo là đúng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự xác định đến nay bị cáo vẫn chưa bồi thường tiền cho chị Diệu, đề nghị HĐXX xem xét theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các tang vật chứng, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 6 giờ ngày 09/10/2020, tại nhà anh Trần Đình T2, ở thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Lê Quang T lợi dụng chị Phan Thị D đang ngủ, lén lút chiếm đoạt của chị D số tiền 3.600.000đồng. Tiếp đến, khoảng 22 giờ ngày 21/11/2020, tại quán xăm hình nghệ thuật của anh Tống Thế D, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương; Lê Quang T lén lút chiếm đoạt của anh D chiếc xe mô tô hiệu Honda, màu nâu, biển số 34B3 - 787.56 trị giá 9.667.000 đồng. Tổng số tiền và giá trị tài sản T chiếm đoạt bằng: 13.267.000đồng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự công cộng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, muốn có tiền tiêu sài nên vẫn có ý thực hiện. Tổng số tiền và giá trị tài sản các lần bị cáo chiếm đoạt bằng 13.267.000đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp trong từng lần đều cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét nhân thân, tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo và phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Tổng Thế D đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu gì nên không xem xét. Đối với số tiền 3.600.000đ bị cáo chiếm đoạt của chị Phan Thị D, bị cáo chưa bồi thường, chị D yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đó là có căn cứ. Do đó buộc bị cáo phải bồi thường cho chị D số tiền 3.600.000đ.

[7] Đối với hai người bị cáo khai tên T1, S ở xã V, huyện H, thành phố Hà Nội là những người đem xe máy bị cáo trộm cắp đi để cầm cố. Quá trình điều tra xác định tại xã V, huyện H, thành phố Hà Nội không có người nào có đặc điểm nhân thân, lai lịch như T khai. Do vậy, không có căn cứ để xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[9] Tiếp tục áp dụng tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Quang T** phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quang T **12** (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 09/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Quang T phải bồi thường cho chị Phan Thị D số tiền 3.600.000đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn*).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Quang T phải chịu 200.000đ áp phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng bằng 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng chẵn*).

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Cơ quan điều tra - CA huyện Nam Sách;
- Cơ quan THAHS – CA huyện;
- VKS tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh HD;
- Chi cục THA huyện Nam Sách;
- UBND xã G;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HD;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Thị Thu Thúy